

TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH TRIẾT HỌC CỦA LUDWIG FEUERBACH TRONG TÁC PHẨM - NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA TRIẾT HỌC TƯƠNG LAI VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ

NGUYỄN THỊ CẨM TÚ*

Triết học Ludwig Feuerbach là một sản phẩm tất yếu của những điều kiện mới, hình thành vào cuối những năm 30 – những năm đầu thế kỷ XIX. Đánh giá về nhiệm vụ của triết học mới, L. Feuerbach cho rằng, “Nhiệm vụ của kỷ nguyên hiện đại là hiện thực hóa và nhân đạo hóa Chúa – sự chuyển đổi và tan rã của thần học vào nhân loại học”. Tinh thần trong tác phẩm Những nguyên lý của triết học tương lai (1843) ra đời dựa trên những mong muốn đó. Tác phẩm là sự đánh dấu những chuyển đổi tư tưởng trong nhận thức của L. Feuerbach về giá trị con người – tự do, hạnh phúc, khát vọng được yêu thương và trân trọng trong một xã hội còn đầy rẫy bất công tại Đức đương thời.

Từ khóa: cải cách triết học, Ludwig Feuerbach, tư tưởng, ý nghĩa, Những nguyên lý của triết học tương lai

Nhận bài ngày: 15/11/2019; đưa vào biên tập: 19/11/2019; phản biện: 7/12/2019; duyệt đăng: 10/2/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuối những năm 30 – đầu những năm 40 của thế kỷ XIX, tại Đức, các cuộc đấu tranh tư tưởng giữa giai cấp tư sản và lực lượng phong kiến ngày càng lên cao. Tình trạng chia cắt đất nước đã cản trở sự phát triển của công nghiệp và thương nghiệp. Bên cạnh đó, giai cấp tư sản bấy giờ đứng trước hai lực lượng mà họ cho là đều đáng ngại như nhau – lực lượng của “quá khứ” và lực lượng của “tương lai”. Trong bối cảnh này tầng lớp tư sản trung lưu chọn giải pháp dung hòa với

chế độ quân chủ - né tránh sự va chạm trực tiếp với chế độ hiện hành bằng việc phê phán triết học Kitô giáo chính thống; một bộ phận khác theo khuynh hướng dân chủ tư sản lại muốn đưa nước Đức thoát khỏi tình trạng hiện có. Trong số những đại biểu tiêu biểu của khuynh hướng dân chủ tư sản nổi bật là Ludwig Feuerbach (L. Feuerbach). Triết học L. Feuerbach không nằm ngoài dòng chảy của triết học cổ điển Đức được hình thành vào cuối những năm 30 – đầu những năm 40 của thế kỷ XIX. Tác phẩm *Những nguyên lý của triết học tương lai* được L. Feuerbach viết và hoàn chỉnh vào năm 1843, tác phẩm là sự tiếp nối của ông trong việc phê phán Cơ Đốc giáo và nền chuyên

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

chính tinh thần kết hợp với chế độ quân chủ Phổ làm mất tự do, cả tự do về tinh thần của con người.

Tác phẩm *Những nguyên lý của triết học tương lai* (tiếng Đức: Grundsätze der Philosophie der Zukunft; tiếng Anh: Principles of Philosophy of the Future) gồm 65 nguyên lý được chia thành ba phần: phần mở đầu đối chiếu, đánh giá các học thuyết duy tâm cận đại, bởi lẽ, ông muốn trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa học thuyết của mình như bước tiến mới của văn hóa Châu Âu; phần thứ hai, trên cơ sở kế thừa có phê phán triết học tư biện – hệ thống triết học Hegel và chỉ ra những điểm hạn chế trong tư tưởng của người thầy, L. Feuerbach đi đến quan điểm nhân văn, đồng thời muốn cải cách triết học mới; phần ba xác nhận hệ thống khái niệm mới như: tư tưởng nhân văn, nhân bản, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa thực nghiệm... với những đặc trưng của triết học mới để giải phóng con người thoát khỏi triết học duy tâm tư biện và thần học Kitô giáo, mang đến cho con người một không gian sống hạnh phúc, tự do trong cả đời sống hiện thực lẫn trong tư duy.

2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH TRIẾT HỌC CỦA L. FEUERBACH TRONG TÁC PHẨM NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA TRIẾT HỌC TƯƠNG LAI

2.1. Tư tưởng của L. Feuerbach về tôn giáo

Trong nội dung này, L. Feuerbach chủ yếu tập trung phân tích những khái niệm của các thuộc tính tôn giáo như:

thuyết hữu thần, vô thần, chủ thể và khách thể, triết học tư biện, nền tảng của chủ nghĩa duy vật cũng như sự “thai nghén” của nền triết học mới.

Trong nội dung đề cập đến tôn giáo, L. Feuerbach chỉ rõ cả hai đều là tín đồ của Cơ Đốc giáo, mặc dù về hình thức họ khác nhau. Giáo phái Tin Lành thừa nhận Chúa chỉ là một con người. L. Feuerbach (2015: 7) mô tả về Chúa: “Ngài là sự sống của đáng tối cao hay sự sống đó sẽ trở thành đối tượng cho loài người trên thiên đàng kia”. Trong khi Chúa của Thiên Chúa giáo hoàn toàn trái ngược; Thiên Chúa giáo tách Thượng đế của họ ra khỏi đời sống của loài người, hình thành nên một lý thuyết tư biện, tạo cho ngài một “vỏ bọc” đầy phép màu và bí ẩn đối với con người và xã hội trần tục, xa lánh hiện thực và chối bỏ những bất công, mâu thuẫn trong cuộc sống của con người, hình ảnh của Chúa hơn cả những gì tưởng tượng, vượt qua cả lý thuyết thông thường, tôn kính Chúa “giống như một sự sống riêng biệt từ lý trí” (L. Feuerbach, 2015: 8). Dựa trên những phân tích của mình, ông cho rằng, nếu chủ nghĩa duy lý biến mất hoặc lý thuyết về thần học tan rã thì con người có xu hướng nhận thức về Chúa không giống như một khách thể mà chỉ là một điều bí ẩn, vượt lên trên tự nhiên, đó là lý thuyết của triết học tư biện, không phải triết học. Như vậy, xét về bản chất, cả hai giáo phái đều tôn sùng một đối tượng siêu tự nhiên, vượt xa những khả năng của con

người. Cùng quan điểm như khi nhận định về đạo Cơ Đốc giáo, L. Feuerbach cho rằng, Chúa thì không có ý nghĩa gì cả nhưng Chúa chính là bản chất lý trí của thuyết hữu thần. Con người trong xã hội chưa phát triển đã “sáng tạo” ra thần của họ bằng cách xây dựng những tính cách cho Chúa và tư duy về sự thần thánh của họ.

Trạng thái tôn sùng lực lượng siêu nhiên, theo L. Feuerbach cũng là một trạng thái tinh thần, thần linh - một đối tượng trừu tượng, vô biên, không xác định và không nhận thức rõ. L. Feuerbach cũng chỉ ra rằng, giống như bản chất của lý trí, thần thánh chỉ là một dạng của duy lý, triết học tư biện vì thế “cũng cần được nghỉ ngơi”, cần được thay thế bởi một hệ thống triết học khác hoàn bị hơn. Bản chất của thần thánh là bản chất phi lý tính, ý thức ở trạng thái tinh thần, Chúa được hiểu là sự thông thái không xác định của các giác quan, một sự tưởng tượng thể hiện trong năng lực của lý trí. Ngay khi nói về đối tượng của nhận thức, L. Feuerbach (2015: 8) nói rõ “Chúa là sự sống không giới hạn hoặc không có bất cứ giới hạn nào” Chúa không phải là đối tượng tồn tại một cách rõ ràng trong đời sống hiện thực, sự sống của Chúa nằm ngoài sự tồn tại của con người, mà sự tồn tại đó không bao gồm triết học, sự sống dành cho một đẳng tối cao ở trên thiên đàng. Nơi đó chỉ tồn tại trong duy lý, không thực, đó là tôn giáo, triết học tư biện. Để minh chứng cho những nhận định của mình, L.

Feuerbach nhấn mạnh, con người có thể nhận thức thuyết hữu thần bằng lý trí hay bằng chính giác quan của họ, Chúa có tồn tại hay không đều không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của con người, nhưng sự tưởng tượng về đẳng tối cao làm cho ngài vượt lên trên con người. Và trong thực tế, ngài tồn tại từ một thực thể riêng biệt, độc lập hoàn toàn với lý trí. Tinh thần, một trạng thái bên trong của con người, một giác quan, là khả năng của con người nhưng thuyết hữu thần thì cho rằng nó là một sự tưởng tượng, “... bản chất thần thánh là bản chất của lý trí hay sự thông thái đối trá trong sự thật là *sự xác nhận hay năng lực của Chúa*, theo như họ thì *lý trí hay sự thông thái* và không định nghĩa của các giác quan hoặc sự tưởng tượng là *năng lực của lý trí*” (L. Feuerbach, 2015: 5). Như vậy, những người theo thuyết hữu thần đã gián tiếp xác nhận rằng, năng lực tư duy, khả năng nhận thức, hay cụ thể đó là lý trí chỉ là sự tưởng tượng, tồn tại tách biệt một cơ thể sống. Và, nếu Chúa tồn tại như một sinh thể bình thường thì Chúa phải có lý trí, có giác quan như bao nhiêu sinh thể bình thường khác. Nhưng theo L. Feuerbach, Chúa không có một cuộc sống như những sinh thể bình thường khác, Chúa tồn tại vượt lên trên cuộc sống bình thường của “loài”. Lý trí, nhận thức của con người luôn bị giới hạn bởi sự phát triển của khoa học và cuộc sống. Trong thực tế, sự sống của con người có giới hạn về mặt không gian và thời gian, con người không thể tồn tại

trong thời gian và không gian không xác định. Nhưng, trong tác phẩm *Bản chất Kitô giáo*, L. Feuerbach (2012: 8) chỉ rõ, theo Chúa thì “Lý trí, theo Chúa quan niệm là sự sống không giới hạn, hiểu biết... vô tận của chính nó trong Thiên Chúa”. Bản thân thuyết hữu thần được xây dựng trên những lập luận đầy mâu thuẫn. Một mặt, họ cho rằng Chúa tồn tại vĩnh viễn, vô điều kiện và tồn tại xuyên qua chính bản thân nó. Mặt khác, họ lại tuyên bố Chúa có sự sống và tồn tại như một bản thể, có thể là một tư duy sống, cũng có thể là một điều xấu xa; và Chúa là một khách thể sống thì tồn tại bên ngoài giác quan, không phụ thuộc vào giác quan. Điều này đã tác động đến tư duy của L. Feuerbach, ông cho rằng: con người không thể tồn tại nếu tách khỏi tự nhiên, bởi một lẽ giản đơn là “Tôi không thể hiểu sự sống mà không có không khí, hoặc là nhìn thấy sự sống mà không có ánh sáng” (L. Feuerbach, 2015: 10). Theo ông, cuộc sống của con người cần có sự tác động qua lại giữa họ với tự nhiên, họ không thể tồn tại bên ngoài tự nhiên mà không cần những điều cơ bản như không khí để thở, ánh sáng để nhìn và nguồn thức ăn để duy trì sự trao đổi chất trong cơ thể.

Trong quan điểm về thuyết thần học và triết học tư biện, L. Feuerbach đã chỉ ra sự giống nhau là thuyết thần học “xoay quanh quan điểm của con người đi vào quan điểm của Chúa”, đồng thời, lý thuyết của triết học tư biện xoay quanh quan điểm của Chúa đi vào quan điểm của con người.

Theo cách diễn đạt của L. Feuerbach, lý thuyết tư biện của thuyết thần học chỉ xoay quanh quan điểm của Chúa, từ đó diễn đạt lại thành quan điểm của con người, con người chỉ có thể có nhận thức khi đã được Chúa “gạn lọc” qua nhận thức của Chúa mà không có tư duy của riêng mình. Còn theo triết học tư biện, Chúa đã nỗ lực để trở thành người nhưng không phải là con người bình thường với những cảm xúc đời thường mà là một con người siêu nhiên, phi thực tế, một con người trừu tượng khó lý giải, Chúa vượt qua mọi giới hạn của sự sống, “là ranh giới của sự tưởng tượng, không cụ thể, mù mịt và tách biệt” (L. Feuerbach, 2012: 13). Và câu hỏi mà L. Feuerbach đặt ra: nếu Chúa của thuyết thần học hay lý thuyết tư biện tạo ra mọi vật theo yêu cầu và tiêu chuẩn cho phép thì sự thông minh, bản chất của Chúa có khác gì con người không, và như vậy, giữa sự thông minh của Chúa và toán học của con người có sự thần bí không, cái nào cụ thể và cái nào thần bí hơn. Đó là những nhận định sắc sảo ban đầu của L. Feuerbach khi chỉ ra cái vỏ ngụy tạo của triết học tư biện và thuyết thần học là tương đồng, và không khác gì hơn khi chính những nhận thức đó làm giảm đi khả năng nhận thức của con người về họ và về thế giới xung quanh họ.

Theo L. Feuerbach xét đến cùng, thần học là nhân học, vì nó tìm hiểu cái mà con người suy tôn thành đáng sáng thế, hơn nữa thông qua đó con người suy tôn chính mình.

2.2. Tư tưởng của L. Feuerbach về triết học tư biện của G.W.F. Hegel

Đánh giá sự đóng góp của Hegel cho nền triết học Đức, L. Feuerbach nhấn mạnh triết học Hegel như sự kết thúc của nền triết học hiện thời, đỉnh cao của triết học hiện đại, nên ông gắn kết tính tất yếu và sự luận chứng cho học thuyết duy vật của mình với việc phê phán học thuyết duy tâm của Hegel. Một trong những nội dung đầu tiên của triết học mới, hay triết học cải cách, là vạch ra những hạn chế của triết học tư biện - tức triết học Hegel, để từ đó xác lập những nguyên tắc của triết học dân thân, hướng đến con người và cơ sở tự nhiên của tồn tại người. Triết học dân thân đó phải tập hợp, liên kết tất cả những gì tốt đẹp trong quá khứ, tạo nên sức mạnh thu hút con người, vạch cho họ một con đường vươn tới "vương quốc của con người", nơi mà con người không còn bị ám ảnh bởi những xiềng xích vô hình và hữu hình. Tuy nhiên, triết học của Hegel cũng là sự mâu thuẫn của thuyết phiếm thần từ quan điểm thần học hoặc lặp lại chính thuyết thần học. Hegel khẳng định, trong triết học hiện đại, vật chất vô hình, như một khách thể thuần khiết của trí tuệ, một sự tồn tại tuyệt đối không gì khác hơn là Chúa, là Thượng đế. Khi nói về sự giải thoát, theo các nhà thần học đã gán cho thần linh niềm hạnh phúc, đức hạnh của con người. Hegel biến hoạt động của chủ thể có nhận thức thành hoạt động của thần linh, phép màu. Và như thế, Chúa cũng được

Hegel xem như một chủ thể có được tự do tuyệt đối từ vật chất. Bằng cách đó – vật chất không phải là sự tương phản với cái tôi và linh hồn – vật chất mâu thuẫn với linh hồn. Tuy nhiên, Hegel cũng đưa ra những nguyên lý trái ngược là, chính vật chất ấn định sự tồn tại không thực tế, với những điều hư vô, là di chuyển vật chất và giải phóng sự duy cảm từ chính nó, nghĩa là tồn tại chỉ được hiểu là đức tin. Bản thể, vật chất và giác quan là những yếu tố của tồn tại nhưng được Hegel nhận định là những yếu tố siêu giác quan. Giác quan và lý trí là hai yếu tố tách rời nhau, "phi bản ngã trong bản ngã" (L. Feuerbach, 2015: 36).

Theo L. Feuerbach (2015: 37), vật chất là một thuộc tính của tồn tại, chứ không phải thuộc tính của Chúa, cái mà trong hầu hết nguyên lý cơ bản của triết học Hegel là vượt qua những nguyên lý, những nguyên tắc và kết luận triết lý tôn giáo của Hegel với sự tác động của triết học này, thần học bị bãi bỏ, chỉ khôi phục sự phủ định của thuyết duy lý, "Bí mật của phép biện chứng là sự đối trá, đó là nó phủ định thần học xuyên qua triết học để mà sau đó phủ nhận triết học xuyên qua thần học". L. Feuerbach chỉ ra rằng, triết học mới mà Hegel dày công tìm kiếm chỉ là sự "lặp lại thần học". Hegel đồng nhất giữa linh hồn và vật chất, vô hạn và hữu hạn, thuyết hữu thần và loài người để tiến gần với siêu hình học. Vì siêu hình học mang tính hai mặt, sự thừa nhận niềm tin và không niềm tin, thần học và triết học, tôn

giáo và vô thần... Hegel thừa nhận Chúa, nhưng lại xem chủ nghĩa vô thần là một thời khắc trong quá trình đó, Hegel hiểu Thiên Chúa xây dựng lại từ chính mình, là một Thiên Chúa thật sự hay đúng hơn là một người tự mâu thuẫn, một vị thần nhưng vô thần. Suy cho cùng, về mặt nhận thức luận, triết học của Hegel là nỗ lực cuối cùng để khôi phục Kitô giáo thông qua lý lẽ của triết học, vì chính Hegel xem chủ nghĩa vô thần là một khoảnh khắc trong quá trình tồn tại của Chúa, gián tiếp thừa nhận sự tồn tại của Chúa.

Phê phán Hegel trong quan niệm về quan hệ giữa tư duy và tồn tại, L. Feuerbach viết: “Triết học Hegel không vượt qua được sự mâu thuẫn giữa tư duy và tồn tại. Tồn tại trong *Hiện tượng học* nằm trong thế mâu thuẫn trực tiếp với thực thể ở mức độ giống như tồn tại trong Logic” (L. Feuerbach, 2015: 47). Trong *Hiện tượng học* của Hegel, ông cho rằng không có sự phân biệt giữa cái chung và cái riêng, cả hai hòa lẫn vào nhau. Trong thực tế, cái riêng là cái cụ thể, thuộc về bản thể hoặc một cá nhân cụ thể. Nhưng trong *Hiện tượng học*, nó là duy nhất. Đối với Hegel, tồn tại không được nhìn từ góc độ thực tiễn, mà được cảm nhận bằng giác quan, một sự tồn tại không thể diễn đạt được, trừu tượng, phi thực tế. Không thừa nhận quan điểm của Hegel về tồn tại, Ludwig Feuerbach (2015: 48) cho rằng, sự tồn tại, giống như một sự diễn đạt không lời hoặc có thể không được diễn đạt bằng lời, nhưng nó vẫn

tồn tại, “một sự tồn tại có ý nghĩa và lý trí trong chính nó. Không có sự tồn tại nào trừu tượng cả”. Theo L. Feuerbach (2015: 76), Thiên Chúa chỉ là “một mong muốn của con người” thoát ra khỏi đời sống trần tục để vươn đến một trạng thái khác, mà nơi đó không tồn tại khách thể tư duy, và rõ ràng, Chúa cũng không phải triết học: “Chúa giống như khách thể của tôn giáo – và chỉ như Chúa - Thiên Chúa trong ý nghĩa của một thiên hướng, không phải là một thực thể siêu hình mơ hồ, về bản chất, chỉ là một đối tượng của tôn giáo, không phải là triết học - của cảm giác, không phải của trí tuệ - về sự cần thiết của trái tim, không phải là tự do của tâm trí: nói tóm lại, một đối tượng là phản xạ không phải của lý thuyết mà là xu hướng thực tế ở con người” (L. Feuerbach, 2012: 76). Liên hệ về khía cạnh này, trong *Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, C. Mác viết về tôn giáo như sau: “Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” (C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 3, 2002: 570)

2.3. Tư tưởng của L. Feuerbach về triết học mới

2.3.1. Trào lưu đề cao con người là nền tảng và điểm xuất phát

Theo L. Feuerbach, triết học mới là sự

phủ định chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa thần bí, thuyết phiếm thần lẫn chủ nghĩa nhân vị, cả chủ nghĩa vô thần lẫn chủ nghĩa hữu thần. Nó là sự thống nhất tất cả chân lý đối lập ấy, trở thành chân lý tuyệt đối độc lập và hoàn bị. Cải cách triết học trước hết thể hiện ở sự giải quyết một cách duy vật vấn đề cơ bản của triết học, thoát khỏi những luận điểm sai lầm của chủ nghĩa duy tâm.

L. Feuerbach xem con người là nền tảng xuất phát của triết học mới, ông (2015: 72) tuyên bố: “Triết học mới biến con người và thiên nhiên với vai trò là nền tảng của con người thành khách thể độc nhất, tối cao, chung nhất của triết học, qua đó biến nhân học, kèm với sinh lý học, thành môn khoa học chung nhất”. Như vậy, khác với Hegel, L. Feuerbach loại bỏ Thượng đế khỏi đối tượng nghiên cứu. Đối với ông, chỉ có tự nhiên và con người – sản phẩm ưu tú và hoàn thiện nhất của nó – mới là đối tượng nghiên cứu của triết học.

Con người đối với L. Feuerbach không chỉ là đối tượng chủ yếu và mục đích cuối cùng của triết học, mà còn là hình mẫu và thước đo của tất cả. Lý trí, ý chí và tình cảm là những tố chất đặc trưng của con người “bằng xương bằng thịt”. Điều này được ông khẳng định trong *Bản chất Kitô giáo* và nhiều bài viết khác. Trong *Những nguyên lý triết học tương lai*, L. Feuerbach (2015: 58) viết: “Triết học mới được xây dựng trên chân lý của tình yêu và cảm xúc... Bản thân triết

học mới không là gì khác ngoài bản chất của cảm xúc được nâng lên thành ý thức, nó chỉ khẳng định bằng lý tính và theo lý tính những gì con người đích thực bày tỏ trong tim họ. Nó chính là con tim được đưa vào khối óc. Con tim không cần vật thể trừu tượng, siêu hình hay tư biện, nó cần vật thể thực sự tồn tại trong giác quan”. Ông cho rằng, chính cảm xúc thúc đẩy con người nhận thức bằng lý tính của mình, “nhận thức – nó chỉ xác nhận trong hình thức và xuyên suốt phương tiện của lý tính những gì mà mỗi người - mỗi con người thật sự - nhận vào tim của anh ta” (L. Feuerbach, 2015: 58).

Triết học mới là sự phủ định chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa thần bí, thuyết phiếm thần lẫn chủ nghĩa nhân vị, cả chủ nghĩa vô thần lẫn chủ nghĩa hữu thần. Nó là sự thống nhất tất cả chân lý đối lập ấy, trở thành chân lý tuyệt đối độc lập và hoàn bị. Cải cách triết học ở L. Feuerbach trước hết thể hiện giải quyết một cách duy vật vấn đề cơ bản của triết học, thoát khỏi những luận điểm sai lầm của chủ nghĩa duy tâm, đồng thời đem đến cách hiểu mới về con người, khác với chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII, khi công thức “con người – cỗ máy” trở thành điểm nhấn trong nhân sinh quan của R. Descartes, T. Hobbes, La Mettrie...

L. Feuerbach (2015: 60) chứng minh rằng, triết học mới “chỗ đứng của nó mang tính duy lý, bản ngã, ý thức trong tâm trí họ được hiểu một cách đơn giản hoặc trong Chúa, nó cao

nhất và cuối cùng của cả nền triết học kinh viện”.

Học thuyết triết học về con người căn cứ vào chất liệu của các khoa học khác nhau để hình thành cách tiếp cận phù hợp, giải thích xác đáng cái căn bản nhất trong quan hệ giữa người với người, khác hoàn toàn với lối giải thích tư biện và thần bí về cái gọi là chiều sâu tâm hồn con người. Tư tưởng nhân văn của L. Feuerbach gắn kết hữu cơ với khoa học tự nhiên, thậm chí ông còn xem thuyết nhân bản như đỉnh cao của khoa học tự nhiên. Khoa học triết học mới theo L. Feuerbach thoát khỏi cách tiếp cận tư biện, cố gắng lý giải mối quan hệ liên tục giữa tư duy với các quá trình vật chất được thực hiện trong cơ thể con người, với tri giác cảm tính. Đối với L. Feuerbach, sự tồn tại là một nhận thức, cảm xúc và tình yêu. Ông chỉ ra, bản thân Thiên Chúa Kitô cũng chỉ là một sự trừu tượng từ tình yêu của con người.

2.3.2. Yêu thương và quý trọng con người

Thế nào là triết học mới? Theo L. Feuerbach, triết học mới phải khác về căn bản với triết học cũ bằng việc đem đến câu trả lời hoàn bị về bản chất chân chính, hiện thực và toàn diện về con người, đối lập với quan điểm của tôn giáo và triết học tư biện, là quan niệm phi nhân, siêu tự nhiên về con người. Triết học chân chính cần phải tuyệt giao với các nguyên tắc tư biện, với các nguyên lý của chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối. Để điều đó được thực hiện, cần xem xét bản chất

thực sự của con người là nguyên tắc chủ đạo. Ông (2015: 167) nói: “Triết lý mới như sự phủ định của thần học, phủ nhận sự thật của tôn giáo... Nhân chủng học là tôn giáo của chính nó”.

Quan điểm đạo đức chiếm vị trí đáng kể trong triết học L. Feuerbach nói chung, tác phẩm *Những nguyên lý triết học tương lai* nói riêng, và được đề cập như phần sống động của tư tưởng nhân văn, với những nét đặc trưng được trau chuốt cho thích ứng với xã hội thời ông. Triết lý tình yêu, hạnh phúc, tự do được Feuerbach gắn kết với quan niệm về mục tiêu tinh thần của nhân loại – tôn giáo của tình yêu, tương tự như “nhân đạo giáo” của Auguste Comte.

Con người trong quan điểm của L. Feuerbach khác với các nhà triết học trước là con người “bằng xương bằng thịt”, không phải con người chỉ có ý thức mà con người tồn tại, là khách thể của sự sống, khách thể của chính họ; con người với những giác quan của họ, bao hàm trong đó là nhận thức, cảm xúc và tình yêu. Chỉ trong cảm xúc, con người là tuyệt đối, riêng biệt. Để lý giải về tình yêu với con người là một sự mê hoặc, riêng biệt, một dấu hiệu để phân biệt với “loài” nói chung, trong tác phẩm *Bản chất của Kitô giáo*, L. Feuerbach (2012: 8) đã từng đặt câu hỏi: “Bằng cách nào con người có thể chống lại cảm xúc, yêu thương trong yêu thương, một lý trí sáng suốt?”. Ông trả lời: cảm xúc là dấu hiệu đặc biệt của sự tồn tại ở con người, chỉ ở trong cảm xúc, tình yêu

mới là khách thể của sự đam mê, thực tiễn. Tình yêu, nỗi đau, cảm xúc là những thuộc tính vốn chỉ tồn tại ở con người, con người trần trụi được nhận thấy rõ ràng, không trừu tượng, bí ẩn. Cảm xúc, sự chứa đựng độ sâu chân thành nhất, cái gì vốn có ở con người, tự nó đã là thần thánh. Yêu con người, yêu chính mình là điểm bắt đầu của quá trình vươn ra cộng đồng. Yêu bản thân không có nghĩa là chỉ yêu bản thân mình. Nói yêu bản thân chỉ đơn giản là khẳng định cái Tôi trước cái khác. Yêu – đó không phải là chủ nghĩa vị kỷ mà là khắc phục nó. Con người làm chủ tình yêu, hay tình yêu làm chủ con người? L. Feuerbach từng hỏi như thế. Và ông nhấn mạnh: khi tình yêu kích thích con người với niềm vui, thậm chí đi tới cái chết vì người mình yêu, thì đó chính là sức mạnh cá nhân tự tại hay đúng hơn, sức mạnh của tình yêu. Khát vọng hạnh phúc cá nhân gắn liền với khát vọng hạnh phúc của mọi người – ý tưởng ấy cản trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, thành thông điệp xã hội. Khi anh yêu người khác, anh hóa thân thành người khác bằng tình yêu của mình. Vậy yêu người khác cũng là yêu chính anh. Tình yêu – theo L. Feuerbach – mới là giá trị tuyệt đối, nơi bí mật cuộc sống được tiết lộ, tình yêu là sự đam mê, tồn tại, thực tế. Nỗi đau của tình yêu là những cảm xúc chân thật nhất chứ không siêu hình trừu tượng như trong triết học cũ. Triết học mới, theo L. Feuerbach bắt nguồn từ Tôi – một thực thể có thực – tồn tại và có giác quan, có bản

ngã và nhận thức về chính mình. Triết học mới không tách rời trí tuệ khỏi các giác quan để tìm ra siêu năng lực mà tinh thần và lý trí là những yếu tố của giác quan, thuộc tính của giác quan.

Vấn đề khát vọng hạnh phúc được L. Feuerbach xem như phần tất yếu trong cuộc sống con người. Mỗi cá nhân đều có quyền sống hạnh phúc và hướng tới hạnh phúc. “Khát vọng hạnh phúc – đó là khát vọng của những khát vọng... ‘Tôi muốn’ có nghĩa là ‘tôi không muốn rơi vào bất hạnh, tôi muốn hạnh phúc’” (L. Feuerbach, 2015: 38). Ý chí và “ý chí hướng đến hạnh phúc” ở Feuerbach đồng nghĩa với nhau. Khái niệm hạnh phúc được hiểu khá rộng, nhưng ý nghĩa, tính chất của nó chỉ có một – tính cá thể. Định nghĩa hạnh phúc như trạng thái mà ở đó “thực thể có thỏa mãn và thỏa mãn thực sự nhu cầu cá nhân đặc trưng của mình, liên quan đến bản chất và cuộc sống của mình” (L. Feuerbach, 2015: 49), ông nhận thấy có nhiều cách hiểu về khái niệm này vừa đa nghĩa, vừa có tính cá thể. Con người có thể muốn cái mà trong hiện thực không đem đến hạnh phúc như hệ quả của quan niệm xuyên tạc về hạnh phúc, cũng như hệ quả của quan niệm sai lầm về phương thức dẫn đến mục tiêu. “Chắc hẳn hạnh phúc mang tính chủ quan, như quá nhiều nhà đạo đức học biết và bàn đến, và quả nhiên nó là như thế. Hạnh phúc của tôi không tách khỏi cá thể tính của tôi” (L. Feuerbach, 2015: 52).

2.3.3. Quan tâm đến đời sống con người

L. Feuerbach hoàn toàn không muốn xóa bỏ tôn giáo, bản thân triết học của ông cũng hòa vào tôn giáo. Theo L. Feuerbach, tôn giáo mà ông đề xuất là quan hệ yêu thương giữa người với người; mỗi quan hệ này, cho đến nay vẫn đi tìm chân lý của nó ở sự phản ánh huyền ảo của hiện thực - ở sự trung gian của một hay nhiều ông thần, tức là những hình ảnh huyền ảo của các thuộc tính con người – nhưng ngày nay đã tìm thấy chân lý ấy, một cách trực tiếp không cần có trung gian, trong tình yêu thương giữa “Tôi” và “Anh”. Vì thế mà theo L. Feuerbach tình yêu cuối cùng là tình yêu nam nữ là một trong những hình thức cao nhất của việc thực hành tôn giáo mới của ông. Xem xét Kitô giáo dựa trên những chất liệu thực tiễn và sự trải nghiệm cá nhân, thông qua biểu hiện cụ thể của tôn giáo tại Đức và Tây Âu trong thời kỳ đầy mâu thuẫn một cách phê phán, L. Feuerbach mong muốn thay Kitô giáo bằng tôn giáo không có Thượng đế, tôn giáo tình yêu vĩnh cửu. Tình yêu là quy luật phổ quát của lý tính và tự nhiên. Ông thừa nhận: “Triết học mới mang đến không gian của tôn giáo; nó mang bản chất của tôn giáo; trong thực tế, nó là tôn giáo” (L. Feuerbach, 2015: 77). Vì thế, nó cần phải là quy luật cao nhất và trước nhất của con người. Tình yêu là mối liên hệ, là bản nguyên kết nối giữa cái hoàn thiện và không hoàn thiện, giữa cái tội lỗi và cái vô tội, giữa cái phổ biến và

cái cá thể, giữa luật lệ và con tim, giữa thần và người. Tình yêu tự nó là Thượng đế, bên ngoài tình yêu không có Thượng đế. Tình yêu làm cho con người trở thành Thượng đế và Thượng đế trở thành con người. Tình yêu là sự thống nhất chân chính Thượng đế và con người, tinh thần và tự nhiên. Với cách hiểu này, ông đem ý nghĩa tôn giáo gán cho cả quan hệ lứa đôi và hôn nhân. Trong *Bản chất Kitô giáo* (2012: 98) ông nói cụ thể về tình yêu bằng quan điểm: “... Tình yêu (của người đàn ông) dành cho phụ nữ là cơ sở của tình yêu phổ quát. Ai không yêu phụ nữ, kẻ đó không yêu con người” Như thế là, do chỗ tình yêu được tuyên bố như là bản chất chân chính của tôn giáo, chủ nghĩa vô thần của Feuerbach hiện ra ở đây với tính cách là tôn giáo chân chính, tôn giáo *không có Thượng đế*.

Đồng thời, ông cũng nhận định, triết học mới không hòa tan vào nhân chủng học, vào lý trí, hay tình cảm mà nó là sự thật về cuộc sống của con người. Tức là những cái đang diễn ra trong đời sống con người, không trừu tượng, thần bí mà trần trụi như bản chất của họ. Ở một chỗ khác, ông nhận mạnh: “Nghệ thuật, tôn giáo, triết học và khoa học chỉ là sự biểu hiện sự tồn tại thật của con người. Con người là thật và con người hoàn hảo chỉ khi anh ta sở hữu óc thẩm mỹ hoặc nghệ thuật, tôn giáo hoặc phẩm hạnh, triết học hoặc khoa học giác quan... là lòng nhân đạo” (L. Feuerbach, 2015: 76). Nền tảng của triết học mới, theo L.

Feuerbach, cũng là bản chất triết học của con người, nó phù hợp với thực tế khách quan.

3. TẠM KẾT

Mặc dù, thuyết hữu thần và Thiên Chúa giáo có những quan điểm khác nhau về Chúa, nhưng quan điểm chung họ vẫn thừa nhận sự tồn tại của Thượng đế - đối tượng có lý trí vượt lên trên con người và tồn tại bên ngoài sự tồn tại của con người. Không thừa nhận quan điểm đó của thuyết hữu thần cũng như Thiên Chúa giáo, L. Feuerbach phân biệt tôn giáo và thần học. Thần học, thuyết hữu thần, triết học duy tâm, đều là sự tư biện đối với tôn giáo, chúng chịu sự phê phán một cách ngẫu nhiên. Thượng đế là sự mặc khải bản chất bên trong của con người, sự thể hiện cái Tôi của con người. Bản chất của Thượng đế không có gì khác hơn là bản chất con người, khát vọng được thoát khỏi những giới hạn cá thể. Do đó, L. Feuerbach (2015: 35) nhấn mạnh: “Chúa là khách thể giống như bất cứ khách thể nào có giác quan; nhưng, tại thời điểm giống nhau, ngài cũng là chủ thể của chính nó, và, thay vào đó giống như chủ thể của con người. Chúa sáng tạo ra mọi sự vật rằng là một phần từ *chính ngài*, ngài quay trở lại chính mình trong chính mối quan hệ của mình và có liên quan đến những sự vật khác tồn tại một phần từ chính ngài; ngài có cả tình yêu và sự thường ngoạn xảy ra cùng lúc và với những cái khác” (L. Feuerbach, 2015: 13).

Trên cơ sở kế thừa triết học của Hegel, L. Feuerbach cũng thừa nhận những đóng góp của Hegel cho triết học hiện đại, đồng thời, ông cũng chỉ ra rằng, Hegel “biến hoạt động chủ thể này thành chính hoạt động của thần thánh”. Hegel cho rằng, toàn bộ giới tự nhiên, thế giới vật chất chỉ là tồn tại khác của ý niệm, biến thể của tinh thần mà không có sự hiện diện của ý thức, và chỉ là sự chuẩn bị cho quá trình chuyển hóa của tự nhiên. Phê phán Hegel, L. Feuerbach chỉ ra rằng chính Hegel đã khôi phục và làm trung gian cho thần học thông qua sự phủ định của chủ nghĩa duy lý.

Khẳng định triết học mới là triết học của con người, nền tảng của triết học phải bắt đầu từ con người và vì con người (nhân học), L. Feuerbach nhận định, triết học mới là những nguyên lý nhận thức, là chủ thể, không phải bản ngã, con người cá nhân mới là chủ thể của lý trí, là những con người có tư duy. L. Feuerbach mong muốn xây dựng là một xã hội có sự độc lập, tự do dành cho con người không bị “giam cầm” bởi nhà thờ Kitô giáo hay Thượng đế của chủ nghĩa duy tâm.

Mặc dù có những tư tưởng cải cách triết học mang tính nhân văn, hướng đến giải phóng con người nhưng do những hạn chế của điều kiện lịch sử cũng như trong tư duy nên L. Feuerbach chỉ xem con người một cách trừu tượng, phi lịch sử, con người tự nhiên, sinh học mà chưa gắn với những điều kiện hiện thực của xã hội loài người, những quan hệ phức

tập trong điều kiện đối kháng giai cấp nên L. Feuerbach vẫn chưa vượt qua được. Trong khi đó, C. Mác - bằng những nghiên cứu thực tiễn - đã chỉ ra rằng, con người khác rất nhiều với con vật, ngoài những bản năng tự nhiên, con người có ý thức, con người còn có cả hành động mà con vật không thể nào có là sản xuất vật chất: “Bản thân con người bắt đầu tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004: 66).

Minh chứng cho nhận định của mình, C. Mác đã phân tích các hình thức sở hữu của loài người, nhờ có tái sản xuất mà con người trải qua nhiều loại hình sở hữu khác nhau trong lịch sử; từ “sở hữu bộ lạc” đến “sở hữu công xã và sở hữu nhà nước thời cổ” để đến “hình thức sở hữu thứ ba là sở hữu phong kiến” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004: 68, 69, 71). Trong quá trình chuyển từ hình thái sở hữu này sang hình thái sở hữu tiến bộ hơn, con người có ý thức về chính họ và về xã hội họ đang sống, họ ý thức được

các mối quan hệ giữa mình và người khác, trong khi đó, loài vật không làm được việc này. Theo phân tích của C. Mác, con người một mặt có quan hệ với đời sống tự nhiên, một mặt họ “tự tạo ra chính họ”, đó là quan hệ xã hội - trong đó có tình yêu gia đình - điều mà trước đó, L. Feuerbach chưa nhìn thấy được hoặc chưa được nhắc tới. Để nghiên cứu con người, C. Mác nói: người ta không chỉ nghiên cứu mặt tự nhiên hay chỉ mặt xã hội mà là sự kết hợp cả hai. Điều này thì người Đức nói chung, L. Feuerbach nói riêng vẫn chưa làm được, vì “người Đức không những thiếu năng lực hiểu biết và thiếu tài liệu mà thiếu cả ‘sự xác thực của cảm giác’” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2004: 82), họ chỉ làm cách mạng bằng lý luận, chưa thâm nhập vào đời sống thực tiễn. L. Feuerbach muốn cải cách xã hội, nhưng ông chỉ nghiên cứu mặt tự nhiên của con người, làm mọi biện pháp để con người được tự do về mặt tinh thần như ông nói triết lý mới mang màu sắc “tôn giáo của tình yêu”. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đinh Ngọc Thạch, Doãn Chính (đồng chủ biên). 2018. *Lịch sử triết học phương Tây* - Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. L. Feuerbach. 2012. *The Essence of Christianity*. General Book LLC. Memphis. Printed in the USA.
3. L. Feuerbach. 2015. *Principles of the Philosophy of the Future*. New York: Prism Key Press. US.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập. 2002. tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen. 2004. *Hệ tư tưởng Đức* (tái bản). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.